

Tổng hợp kiến thức về Cấu trúc song hành (Parallelism) với các liên từ tương hỗ

1. Cấu trúc song hành (Parallel Structure) là gì?

Cấu trúc song hành (hay cấu trúc song song) là cách sử dụng các thành phần ngữ pháp giống nhau (từ, cụm từ, hoặc mệnh đề) trong một câu để thể hiện rằng các ý tưởng được liệt kê có tầm quan trọng như nhau. Việc này giúp câu văn trở nên cân đối, rõ ràng và dễ hiểu hơn.

- **Ví dụ 1 (Sai):** I enjoy *reading*, *to write*, and *to paint*.
- **Ví dụ 1 (Đúng):** I enjoy *reading*, *writing*, and *painting*. (Tất cả đều là danh động từ - Gerunds)
- **Ví dụ 2 (Sai):** The teacher told the students *that they should study hard* and *to do their homework*.
- **Ví dụ 2 (Đúng):** The teacher told the students *that they should study hard* and *that they should do their homework*. (Tất cả đều là mệnh đề danh từ)

2. Liên từ tương hỗ (Correlative Conjunctions) là gì?

Liên từ tương hỗ là các cặp liên từ luôn đi cùng với nhau để nối hai thành phần ngữ pháp tương đương trong câu. Khi sử dụng các liên từ này, chúng ta bắt buộc phải tuân theo quy tắc của cấu trúc song hành.

Các cặp liên từ tương hỗ phổ biến bao gồm: **both...and...**, **either...or...**, **neither...nor...**, **not only...but also...**, **whether...or...**

3. Cách sử dụng các liên từ tương hỗ

3.1. Both ... and ... (Vừa ... vừa ... / Cả ... và ...)

Dùng để nhấn mạnh sự kết hợp của hai đối tượng, đặc điểm hoặc hành động.

Công thức: **Both + X + and + Y** (Trong đó X và Y phải có cùng dạng ngữ pháp)

Lưu ý: Khi "Both...and..." nối hai chủ ngữ, động từ luôn được chia ở dạng số nhiều.

- **Ví dụ (Nối 2 danh từ):** She speaks **both** *English* **and** *French* fluently.
- **Ví dụ (Nối 2 tính từ):** The new car is **both** *economical* **and** *spacious*.
- **Ví dụ (Nối 2 chủ ngữ):** **Both** *my father* **and** *my mother* are teachers.

3.2. Either ... or ... (Hoặc ... hoặc ...)

Dùng để đưa ra sự lựa chọn giữa hai khả năng.

Công thức: **Either + X + or + Y** (Trong đó X và Y phải có cùng dạng ngữ pháp)

Lưu ý: Khi "Either...or..." nối hai chủ ngữ, động từ sẽ được chia theo chủ ngữ đứng gần nó nhất (quy tắc lân cận - proximity rule).

- **Ví dụ (Nối 2 danh từ):** You can choose **either** *the red shirt* **or** *the blue one*.

- **Ví dụ (Nối 2 cụm động từ):** Tonight, I will **either** *watch a movie* **or** *read a book*.
- **Ví dụ (Chia động từ):** **Either** *you* **or** *he* has to take responsibility. (Động từ "has" chia theo "he")
- **Ví dụ (Chia động từ):** **Either** *he* **or** *his parents* are coming. (Động từ "are" chia theo "his parents")

3.3. Neither ... nor ... (Không ... cũng không ...)

Dùng để diễn tả sự phủ định kép, có nghĩa là cả hai đối tượng, đặc điểm hoặc hành động đều không xảy ra.

Công thức: **Neither + X + nor + Y** (Trong đó X và Y phải có cùng dạng ngữ pháp)

Lưu ý: Giống như "Either...or...", động từ cũng được chia theo chủ ngữ đứng gần nó nhất.

- **Ví dụ (Nối 2 danh từ):** I want **neither** *the apple* **nor** *the orange*.
- **Ví dụ (Nối 2 tính từ):** The room was **neither** *clean* **nor** *tidy*.
- **Ví dụ (Chia động từ):** **Neither** *my sisters* **nor** *my brother* likes this game. (Động từ "likes" chia theo "my brother")
- **Ví dụ (Chia động từ):** **Neither** *my brother* **nor** *my sisters* like this game. (Động từ "like" chia theo "my sisters")

3.4. Not only ... but also ... (Không những ... mà còn ...)

Dùng để nhấn mạnh rằng ngoài yếu tố thứ nhất, còn có một yếu tố khác quan trọng hơn.

Công thức 1: S + V + not only + X + but also + Y

Công thức 2 (Đảo ngữ): Not only + Trợ động từ + S + V + but S also + V ...

Lưu ý: Khi "Not only" đứng đầu câu, ta phải áp dụng cấu trúc đảo ngữ.

- **Ví dụ (Nối 2 tính từ):** She is **not only** beautiful **but also** intelligent.
- **Ví dụ (Nối 2 cụm động từ):** He **not only** missed the bus **but also** forgot his wallet.
- **Ví dụ (Đảo ngữ):** **Not only** did he pass the exam, **but he also** got a scholarship.

3.5. Whether ... or ... (Liệu ... hay ...)

Dùng để trình bày hai khả năng hoặc sự lựa chọn.

Công thức: Whether + X + or + Y

- **Ví dụ:** I'm not sure **whether** I should stay **or** leave.
- **Ví dụ:** The question is **whether** to invest more money in the project **or** to abandon it.
- **Ví dụ:** He asked me **whether** the flight was on time **or** delayed.

4. Bảng tổng hợp và các lỗi sai thường gặp

4.1. Bảng tổng hợp nhanh

Liên từ	Ý nghĩa	Lưu ý về chia động từ
both ... and ...	Cả ... và ...	Luôn chia số nhiều khi nối 2 chủ ngữ.
either ... or ...	Hoặc ... hoặc ...	Chia theo chủ ngữ gần nhất.
neither ... nor ...	Không ... cũng không ...	Chia theo chủ ngữ gần nhất.
not only ... but also ...	Không những ... mà còn ...	Chia theo chủ ngữ gần nhất (khi nối 2 chủ ngữ). Có đảo ngữ khi "Not only" đứng đầu câu.
whether ... or ...	Liệu ... hay ...	Thường không dùng để nối 2 chủ ngữ.

4.2. Các lỗi sai thường gặp (Common Mistakes)

1. **Lỗi không song hành (Faulty Parallelism):** Đây là lỗi phổ biến nhất, khi các thành phần được nối không cùng dạng ngữ pháp.
- **Sai:** He is not only *a good student* but also *works hard*. (danh từ // động từ)
 - **Đúng:** He is not only *a good student* but also *a hard worker*. (danh từ // danh từ)

2. **Lỗi chia động từ (Subject-Verb Agreement):** Quên quy tắc lân cận với either/or và neither/nor.

- **Sai:** Neither the manager nor his employees *is* at the meeting.
- **Đúng:** Neither the manager nor his employees *are* at the meeting. (Động từ "are" chia theo "employees")

3. **Lỗi đảo ngữ với "Not only":** Quên đảo trợ động từ lên trước chủ ngữ khi "Not only" đứng đầu câu.

- **Sai:** Not only she can sing, but she can also dance.
- **Đúng:** Not only *can she sing*, but she can also dance.